

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM- ST  
Ngày: 27-11-2019

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Phúc Ân, ông Đặng Xuân Hợp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Nhà văn hóa khu dân cư B, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2019/TLST - KDTM ngày 30/8/2019 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V**

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ông Ngô Chí D ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân, VP Bank.

Những người được ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại: Ông Phan Văn N và ông Hoàng Mạnh T – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V. Ông T có mặt.

**Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng và phát triển K**

Địa chỉ: Số 104, khu dân cư H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Tiến Th – Chức vụ: Giám đốc.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Tiến Th, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu dân cư B, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Ông Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/5/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển K (sau đây viết tắt là Công ty K) ký kết hợp đồng tín dụng số 310317-3527109-01-SME, phụ lục hợp đồng số 01/PLHD và khế ước nhận nợ số 310317-3527109-01-SME, với các nội dung cơ bản như sau: Ngân hàng cho Công ty K vay số tiền là 960.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn để thanh toán tiền hàng, thời hạn vay là 36 tháng, mức lãi suất cho vay trong hạn là 22.2%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 19/8/2017 với mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên cho vay do Hội sở chính của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có thời hạn là trên 2 đến 3 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng (+) biên độ 14%/năm, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Công ty K phải trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, gồm 36 kỳ, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/6/2017. Số tiền nợ gốc mà Công ty K phải trả mỗi kỳ là 26.666.667 đồng, riêng kỳ cuối cùng là 26.666.635 đồng. Tiền lãi Công ty K phải trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng; kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/6/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của Công ty K, cùng ngày (19/5/2017), ông Dương Tiến Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty K đã ký hợp đồng bảo lãnh số 310317-3527109-1-SME/HĐBL với Ngân hàng. Theo đó, ông Dương Tiến Th sẽ dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty K trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 122.341.180 đồng (trong đó: Nợ gốc là 42.501.948 đồng, nợ lãi là 78.532.670 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.306.562 đồng). Kể từ ngày 15/7/2017, Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận giữa hai bên.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty K phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 27/11/2019 là 1.677.409.591 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 917.498.052 đồng, tiền lãi là 677.059.338 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 82.852.201 đồng. Buộc Công ty K còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ sau ngày Tòa tuyên án đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp Công ty K không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Dương Tiến Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty K theo hợp đồng bảo lãnh đã ký giữa các bên. Trường hợp Công ty K và ông Dương Tiến Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ,

phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty K và ông Dương Tiến Th để thu hồi khoản nợ vay.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Tiến Th trình bày:*

Ngày 19/5/2017, Công ty K ký kết hợp đồng tín dụng số 310317-3527109-01-SME, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ và khế ước nhận nợ số 310317-3527109-01-SME để vay của Ngân hàng số tiền 960.000.000 đồng. Về hời hạn, mục đích vay, lãi suất, nghĩa vụ thanh toán như đại nguyên đơn trình bày nêu trên. Để đảm bảo khoản vay của Công ty K, ngày 19/5/2017, ông Dương Tiến Th có ký hợp đồng bảo lãnh số 310317-3527109-1-SME/HĐBL với Ngân hàng cam kết sẽ dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty K trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty K mới thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, tiền phạt chậm trả lãi cho Ngân hàng là 122.341.180 đồng. Từ tháng 8/2017 đến nay, Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Công ty K còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 917.498.052 đồng và các khoản tiền lãi, phạt phát sinh theo như cách tính của Ngân hàng. Do điều kiện Công ty K đang gặp khó khăn về tài chính nên ông Th đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ các khoản tiền lãi cho Công ty K, số tiền gốc thì Công ty K xin được thanh toán dần, thành nhiều lần, mỗi tháng thanh toán 20.000.000 đồng. Trờng hợp Công ty K không thanh toán được thì cá nhân ông Th sẽ có nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát tham phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, Điều 336, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc Công ty K phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.677.409.591 đồng theo hợp đồng tín dụng số 310317-3527109-01-SME ngày 19/5/2017 và khế ước nhận nợ số 310317-353527109-01-SME ngày 19/5/2017. Trong đó, số tiền nợ gốc là 917.498.052 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 27/11/2019 là 677.059.338 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 82.852.201 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty K không thanh toán được số tiền gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng thì buộc ông Dương Tiến Th phải thanh toán nợ thay theo hợp đồng bảo lãnh số 310317-3527109-01-SME/HĐBL ngày 19/5/2017 đã ký.

Về án phí: Buộc Công ty K phải nộp 62.322.287 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn hiện có trụ sở tại khu dân cư H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Dương Tiến Th là người đại diện theo pháp luật của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 19/5/2017, Ngân hàng và Công ty K ký kết hợp đồng tín dụng số 310317-3527109-01-SME, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ và khế ước nhận nợ số 310317-353527109-01-SME. Theo đó, Ngân hàng cho Công ty K vay số tiền 960.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn thanh toán tiền hàng, thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn được quy định trong khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên và khế ước nhận nợ, cùng ngày, ông Dương Tiến Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty K đã ký kết hợp đồng bảo lãnh số 310317-3527109-1-SME/HĐBL với Ngân hàng. Theo đó, ông Dương Tiến Th sẽ dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty K trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ nêu trên. Việc giao kết các hợp đồng giữa các bên đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức, nội dung nên là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay theo hợp đồng là 960.000.000 đồng cho Công ty K theo khế ước nhận nợ số 310317-353527109-01-SME ngày 19/5/2017. Đến hết ngày 15/6/2017, Công ty K đã trả cho Ngân hàng số tiền 122.341.180 đồng, trong đó: Nợ gốc là 42.501.948 đồng, nợ lãi 78.532.670 đồng, phạt chậm trả 1.306.562 đồng. Từ đó cho đến nay Công ty K không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Việc chậm thanh toán này của Công ty K đã vi phạm phương thức trả nợ được quy định tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng và các khoản 6, 7 Điều 1 của khế ước nhận nợ số 310317-3527109-01-SME ngày 19/5/2019. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về số tiền nợ gốc: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 310317-3527109-01-SME, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ và khế ước nhận nợ, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 960.000.000 đồng cho Công ty K. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K

đã thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc là 42.501.948 đồng. Do đó, yêu cầu đòi số tiền nợ gốc là 917.498.052 đồng của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Về số tiền lãi và phạt chậm trả lãi: Lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ với mức lãi suất cho vay trong hạn là 22.2%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 19/8/2017 với mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên cho vay do Hội sở chính của bên cho vay tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có thời hạn là trên 2 đến 3 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng (+) biên độ 14%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K đã thanh toán cho Ngân hàng nợ lãi là 78.532.670 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.306.562 đồng. Kể từ ngày 15/7/2017 đến ngày xét xử, Công ty K chưa thực hiện nghĩa vụ trả lãi nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký và khế ước nhận nợ. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (27/11/2019), Công ty K phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 677.059.338 đồng và 82.852.201 đồng tiền phạt chậm trả lãi là có căn cứ chấp nhận.

[2.5]. Như vậy tổng số tiền mà Công ty K phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 27/11/2019 là 1.677.409.591 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 917.498.052 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 27/11/2019 là 677.059.338 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 82.852.201 đồng.

[2.6]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm Công ty K còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[2.7]. Hợp đồng bảo lãnh số 310317-3527109-01-SME/HĐBL ngày 19/5/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Dương Tiến Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 335, 336 Bộ luật dân sự nên hợp đồng bảo lãnh hợp pháp. Trường hợp Công ty K không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì ông Dương Tiến Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty K theo đúng nội dung hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng.

[2.8]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Công ty K phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, Điều 336, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm

2010; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V. Buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển K phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 1.677.409.591 đồng theo hợp đồng tín dụng số 310317-3527109-01-SME ngày 19/5/2017 và khế ước nhận nợ số 310317-353527109-01-SME ngày 19/5/2017. Trong đó, số tiền nợ gốc là 917.498.052 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 27/11/2019 là 677.059.338 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 82.852.201 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển K không thanh toán được số tiền gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì buộc ông Dương Tiến Th phải thanh toán nợ thay theo hợp đồng bảo lãnh số 310317-3527109-01-SME/HĐBL ngày 19/5/2017 đã ký. Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng và phát triển K và ông Dương Tiến Th không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển K và ông Dương Tiến Th để xử lý đảm bảo thanh toán nợ nêu trên.

Về án phí: Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển K phải nộp 62.322.287 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 25.256.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001472 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân

sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Lâm**